

**PHỤ LỤC: DANH MỤC VÙNG CẤM, VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM**  
(Kèm theo Quyết định số: 869/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Hà Nam)

**PHỤ LỤC 1A: DANH MỤC VÙNG CẤM**

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/ thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
1	TL-HC1A-01	Điểm sụt lún tại núi Móng Rồng thuộc tiểu khu La Mát, tiểu khu Châu Giang	Kiên Khê	Thanh Liêm	0,92	t2	<p>Phạm vi vùng cấm khai thác nước dưới đất bao gồm toàn bộ diện tích khu vực đã xảy ra sụt, lún đất quy định tại khoản 1 Điều 33 của Nghị định này thì cấm toàn bộ hoạt động thăm dò nước dưới đất, xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất, bao gồm cả trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình. Đối với công trình khai thác nước dưới đất đang khai thác thì thực hiện các biện pháp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp công trình đã có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đã đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thu hồi giấy phép, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài</li></ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>nguyên nước theo thẩm quyền và yêu cầu thực hiện trám lấp giếng theo quy định;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền và yêu cầu thực hiện trám lấp giếng theo quy định;</li> <li>- Trường hợp khai thác nước cho sinh hoạt của hộ gia đình thì thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác.</li> </ul>

**PHỤ LỤC 1B: DANH MỤC VÙNG HẠN CHẾ 1**

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
1	DT-HC1B-01	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên	Mộc Bắc	Duy Tiên	9,65	qh1	<p>Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</li> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>thầm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
2	DT-HC1B-02	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề	Châu Giang	Duy Tiên	10,31	qh1, qp	<p>Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</li> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>d khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</li> </ul>
3	DT-HC1B-03	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên	Mộc Nam	Duy Tiên	3,06	qh1, qp	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</li> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</li> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</p> <p>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>
4	DT-HC1B-04	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề	Chuyên Ngoại	Duy Tiên	5,57	qh1, qp	<p>Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <p>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ</p>
5	DT-HC1B-05		Trác Văn	Duy Tiên	3,27	qp	



STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
6	DT-HC1B-06		Hòa Mạc	Duy Tiên	0,87	qh1, qp	<p>trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</p> <p>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp</p>
7	DT-HC1B-07		Yên Bắc	Duy Tiên	6,23	qh1, qp	
8	DT-HC1B-08		Tiên Nội	Duy Tiên	6,19	qp	
9	DT-HC1B-09		Hoàng Đông	Duy Tiên	5,09	qp	
10	PL-HC1B-13		Tiên Tân	Phủ Lý	3,96	qp	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</p> <p>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>
11	DT-HC1B-10	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên	Tiên Ngoại	Duy Tiên	6,40	qh2,qp	<p>Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <p>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các</p>
12	DT-HC1B-11		Yên Nam	Duy Tiên	5,94	qh1, qp	
13	PL-HC1B-14		Tiên Hiệp	Phủ Lý	4,35	qp	
14	PL-HC1B-15		Tiên Hải	Phủ Lý	3,47	qp	
15	DT-HC1B-12		Tiên Sơn	Duy Tiên	6,10	qp	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</li> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
16	LN-HC1B-01	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên	Hợp Lý	Lý Nhân	3,03	qp	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên - Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có; - Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép
17	LN-HC1B-02		Văn Lý	Lý Nhân	3,19	qp	
18	LN-HC1B-03		Chính Lý	Lý Nhân	3,53	qp	
19	LN-HC1B-04		Nguyên Lý	Lý Nhân	5,79	qp	
20	LN-HC1B-05		Công Lý	Lý Nhân	3,77	qp	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
21	LN-HC1B-06	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liên kề	Vĩnh Trụ	Lý Nhân	3,44	qh1, qp	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên - Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/ thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
22	LN-HC1B-07		Đức Lý	Lý Nhân	7,01	qh1, qp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</li> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước
23	LN-HC1B-08	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên	Đạo Lý	Lý Nhân	4,35	qh1, qp	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên - Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai
24	LN-HC1B-09		Chân Lý	Lý Nhân	12,34	qh1, qp	
25	LN-HC1B-10		Bắc Lý	Lý Nhân	8,46	qh1, qp	
26	LN-HC1B-11		Nhân Khang	Lý Nhân	4,24	qh1, qp	



STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
27	LN-HC1B-12		Nhân Nghĩa	Lý Nhân	6,12	qh1, qp	<p>thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</p> <p>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều</p>
28	LN-HC1B-13		Nhân Đạo	Lý Nhân	10,94	qh1, qp	
29	LN-HC1B-14		Nhân Chính	Lý Nhân	4,15	qh1, qp	
30	LN-HC1B-15		Nhân Thịnh	Lý Nhân	9,39	qh1, qp	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</p> <p>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>
31	LN-HC1B-16	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề	Nhân Mỹ	Lý Nhân	6,82	qh2, qh1, qp	<p>Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <p>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy</p>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
32	LN-HC1B-17		Nhân Bình	Lý Nhân	5,63	qh2, qh1, qp	<p>định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</p> <p>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác,</p>
33	LN-HC1B-18		Xuân Khê	Lý Nhân	3,83	qh1, qp	<p>định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</p> <p>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác,</p>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký; - Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
34	LN-HC1B-19	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên	Phú Phúc	Lý Nhân	9,08	qh1, qp	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên - Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;
35	LN-HC1B-20		Tiến Thắng	Lý Nhân	4,96	qh1, qp	
36	LN-HC1B-21		Hòa Hậu	Lý Nhân	4,64	qh1, qp	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/ thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</li> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
37	BL-HC1B-01	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề	An Ninh	Bình Lục	4,57	qh1, qh2, qp	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên - Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có; - Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng
38	BL-HC1B-02		Bồ Đề	Bình Lục	5,98	qh1, qh2, qp	
39	BL-HC1B-03		Vũ Bản	Bình Lục	7,65	qh1, qh2, qp	
40	BL-HC1B-04		An Nội	Bình Lục	6,10	qh1, qh2, qp	
41	BL-HC1B-05		Ngọc Lũ	Bình Lục	2,43	qh1, qh2, qp	
42	BL-HC1B-06		Hung Công	Bình Lục	5,21	qh1, qh2, qp	
43	BL-HC1B-07		Bồi Cầu	Bình Lục	6,01	qh1, qh2, qp	
44	BL-HC1B-08		Trung Lương	Bình Lục	7,73	qh1, qh2, qp	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
45	BL-HC1B-09		Tiêu Động	Bình Lục	9,24	qh1, qp	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên
46	BL-HC1B-09	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên	Tiêu Động	Bình Lục	6,13	qh1, qp	- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có; - Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại



STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</li> </ul>
47	BL-HC1B-11	Khu vực có TDS từ	An Đô	Bình Lục	6,87	qh1, qp	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/ thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
48	BL-HC1B-12	1500 mg/l trở lên và vùng liền kề	La Sơn	Bình Lục	6,71	qh1, qp	<p>dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <p>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</p> <p>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>- Trường hợp công trình có giấy phép khai</p>
49	BL-HC1B-13		Bình Mỹ	Bình Lục	6,25	qh1, qp	
50	BL-HC1B-14		Đồn Xá	Bình Lục	5,51	qh1, qp	
51	BL-HC1B-14		Đồn Xá	Bình Lục	6,71	qh1, qp	
52	BL-HC1B-16		Đồng Du	Bình Lục	5,49	qh1, qp	
53	PL-HC1B-16		Trịnh Xá	Bình Lục	5,17	qh1, qp	
54	PL-HC1B-17		Đình Xá	Bình Lục	4,74	qh1, qp	
55	BL-HC1B-17		Tràng An	Bình Lục	6,41	qh1, qp	
56	BL-HC1B-18		Bình Nghĩa	Bình Lục	3,71	qh1, qp	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</p> <p>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
57	TL-HC1B-01	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề	Thanh Hải	Thanh Liêm	9,42	qh1, qh2, t2	<p>Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <p>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</p> <p>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng</p>
58	TL-HC1B-02		Thanh Nguyên	Thanh Liêm	5,66	qh1, qh2	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
59	TL-HC1B-03		Thanh Nghị	Thanh Liêm	8,75	qh1, qh2, t2	<p>khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
60	TL-HC1B-04	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên	Thanh Tâm	Thanh Liêm	5,16	qh1, qh2	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên - Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</li> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
61	TL-HC1B-05	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề	Liên Sơn	Thanh Liêm	7,59	qh1, qh2	<p>Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</li> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng</li> </ul>



STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
62	TL-HC1B-06		Thanh Hương	Thanh Liêm	7,50	qh1, qh2	<p>ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</p> <p>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem</p>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
63	TL-HC1B-07	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên	Liên Túc	Thanh Liêm	5,49	qh1	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên - Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai
64	TL-HC1B-08		Liên Thuận	Thanh Liêm	5,11	qh1	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</p> <p>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều</p>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>chính, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</p> <p>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>
65	TL-HC1B-09	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề	Thanh Tân	Thanh Liêm	5,85	qh1, t2	<p>Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <p>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ</p>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
66	TL-HC1B-10		Thanh Thủy	Thanh Liêm	2,38	qh1, qh2, t2	<p>trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</p> <p>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p>
67	TL-HC1B-11		Thanh Phong	Thanh Liêm	5,14	qh1, qh2	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/ thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
68	TL-HC1B-12		Tân Thanh	Thanh Liêm	5,17	qh1, qh2	<p>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</p> <p>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>
69	TL-HC1B-13	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên	Liêm Phong	Thanh Liêm	4,51	qh1, qp	<p>Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <p>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy</p>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</li> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</p> <p>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>
70	PL-HC1B-18	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và	Liên Tiêt	Thanh Liêm	4,62	qh1, qp	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên



STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
71	TL-HC1B-14	vùng liên kê	Liên Cần	Thanh Liêm	4,23	qh1, qp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</li> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo</li> </ul>
72	TL-HC1B-15		Thanh Hà	Thanh Liêm	5,96	qh1, qh2, qp	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
73	PL-HC1B-20		Thanh Tuyên	Thanh Liêm	3,22	qh1, qh2, qp	thầm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này; - Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;
74	TL-HC1B-17		Kiến Khê	Thanh Liêm	1,09	qh1, qp, t2	- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
75	PL-HC1B-19	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên	Liên Tuyền	Phủ Lý	2,11	qp	<p>Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</li> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>d khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
76	KB-HC1B-01	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề	Thanh Sơn	Kim Bảng	10,54	qh2, qp, t2	<p>Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <p>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</p> <p>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện</p>
77	KB-HC1B-02		Liên Sơn	Kim Bảng	3,38	qh2, t2	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
78	KB-HC1B-03		Thi Sơn	Kim Bảng	5,46	qh2, qp, t2	<p>việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</p> <p>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo</p>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
79	KB-HC1B-04	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liên kề	Ngọc Sơn	Kim Bảng	1,63	t2	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên - Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;
80	KB-HC1B-05		Ngọc Sơn	Kim Bảng	5,35	t2	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</li> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc</li> </ul>



STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoanh định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/ thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
81	KB-HC1B-06	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề	Khả Phong	Kim Bảng	2,30	t2	Phạm vi khoanh định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên - Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có; - Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng
82	KB-HC1B-07		Thụy Lôi	Kim Bảng	3,03	t2	
83	KB-HC1B-08		Đồng Hoá	Kim Bảng	4,36	t2	
84	KB-HC1B-09		Tân Sơn	Kim Bảng	1,89	t2	
85	KB-HC1B-10		Lê Hồ	Kim Bảng	4,60	t2	
86	KB-HC1B-11		Đại Cường	Kim Bảng	0,42	t2	
87	KB-HC1B-12		Tượng Lĩnh	Kim Bảng	1,55	t2	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
88	KB-HC1B-13		Nguyễn Úy	Kim Bảng	2,00	t2	<p>ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</p> <p>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem</p>
89	PL-HC1B-21		Kim Bình	Phủ Lý	0,19	t2	
90	PL-HC1B-01		Phù Vân	Phủ Lý	3,35	qp	
91	PL-HC1B-02		Lê Hồng Phong	Phủ Lý	1,84	qp	
92	PL-HC1B-03	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liền kề					
			Châu Sơn	Phủ Lý	3,18	qp, t2	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
93	PL-HC1B-04	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên	Thanh Châu	Phủ Lý	1,72	qp	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên - Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có; - Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo
94	PL-HC1B-05		Liên Chung	Phủ Lý	2,44	qp	
95	PL-HC1B-06		Liên Chính	Phủ Lý	1,49	qp	
96	PL-HC1B-07		Lam Hạ	Phủ Lý	4,30	qp	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>thầm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
97	PL-HC1B-08	Khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên và vùng liên kề	Quang Trung	Phủ Lý	0,91	qp	<p>Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</li> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm</li> </ul>

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>d khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</li> <li>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</li> </ul>
98	PL-HC1B-10	Khu vực có TDS từ	Lương Khánh Thiện	Phủ Lý	0,09	qp	Phạm vi khoan định Vùng hạn chế 1 được quy định gồm: Khu vực có nguồn nước

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
99	PL-HC1B-11	1500 mg/l trở lên	Minh Khai	Phủ Lý	0,15	qp	<p>dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn có tổng chất rắn hoà tan từ 1.500 mg/l trở lên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có;</li> <li>- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền. Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</li> <li>- Trường hợp công trình có giấy phép khai</li> </ul>
100	PL-HC1B-09		Trần Hưng Đạo	Phủ Lý	0,06	qp	
101	PL-HC1B-12		Hai Bà Trưng	Phủ Lý	0,43	qp	

STT	Tên vùng hạn chế	Đối tượng khoan định	Phạm vi hành chính		Diện tích vùng hạn chế (km <sup>2</sup> )	Tầng chứa nước hạn chế	Biện pháp hạn chế khai thác áp dụng
			Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố/thị xã			
							<p>thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký;</p> <p>- Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p>